

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN KNR
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN KNR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KNR REAL ESTATE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KNR REAL ESTATE INVESTMENT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109913449

3. Ngày thành lập: 23/02/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 3, Tòa Dolphin Plaza, số 6 Nguyễn Hoàng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984 535885

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4530

10.	Bán mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đấu giá)	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm) (Trừ đấu giá hàng hóa)	4610
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất trang trí; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
16.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn vàng trang sức (trừ những loại Nhà nước cấm)	4662
17.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
18.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
20.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
21.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề (trừ những hoạt động cấm Nhà nước quy định)	9321

22.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329
23.	Lập trình máy vi tính	6201
24.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
25.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
26.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
27.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619
28.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810(Chính)
29.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Quản lý bất động sản.	6820
30.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình; Khảo sát địa chất thủy văn; Khảo sát hiện trạng công trình - Thiết kế bản vẽ thi công - Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; Kiểm định xây dựng; - Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kiến trúc trong đồ án xây dựng đô thị, quy hoạch nông thôn, thiết kế đô thị; Thiết kế kiến trúc cảnh quan; Thiết kế nội thất; Chỉ dẫn đặc điểm kỹ thuật kiến trúc công trình; Đánh giá kiến trúc công trình; Thẩm tra thiết kế kiến trúc.	7110
31.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
32.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310

33.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm hoạt động điều tra và hoạt động của nhà báo độc lập)	7320
34.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Dịch vụ thiết kế đồ thị; - Hoạt động trang trí nội thất.	7410
35.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền).	7490
36.	Cho thuê xe có động cơ (không bao gồm hoạt động đấu giá)	7710
37.	Sản xuất sợi	1311
38.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
39.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
40.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
41.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
42.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
43.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
44.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
45.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
46.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
47.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
48.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
49.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
50.	Sản xuất giày, dép	1520
51.	Cửa, xe, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
52.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
53.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
54.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
55.	In ấn	1811
56.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
57.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ các sản phẩm văn hóa phẩm đòi truy, mê tín dị đoan hoặc có hại tới giáo dục, thẩm mỹ)	1820
58.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
59.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
60.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391

61.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
62.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
63.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
64.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4933
65.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210
66.	Bốc xếp hàng hóa	5224
67.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
68.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Logistics - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa. (Trừ Tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
69.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
70.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
71.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
72.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
73.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
74.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
75.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
76.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: - Tư vấn nghề cho người lao động về lựa chọn nghề, trình độ đào tạo, nơi học phù hợp với khả năng và nguyện vọng - Giới thiệu người lao động cần tìm việc làm cho người sử dụng lao động cần tuyển lao động (Trừ loại hình Nhà nước không cho phép)	7810

77.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép); Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)	7830
78.	Đại lý du lịch	7911
79.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
80.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
81.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
82.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
83.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
84.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
85.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
86.	Thu gom rác thải độc hại Chi tiết: - Thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại	3812
87.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
88.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại Chi tiết: - Xử lý chất thải nguy hại	3822
89.	Tái chế phế liệu (Trừ loại Nhà nước cấm)	3830
90.	Xây dựng nhà để ở	4101
91.	Xây dựng nhà không để ở	4102
92.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
93.	Xây dựng công trình điện	4221
94.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
95.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
96.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
97.	Xây dựng công trình thủy	4291
98.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
99.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
100.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
101.	Phá dỡ	4311
102.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dò mìn, nổ mìn)	4312
103.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
104.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741

105.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
106.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
107.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
108.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
109.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
110.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.	4772
111.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hoả, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	CÔNG TY CỔ PHẦN FIBO LAND	Tầng 3, Tòa Dolphin Plaza, số 6 Nguyễn Hoàng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.020.0 00	10.200.000.000	51,000	0109909139	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.020.0 00	10.200.000.000	51,000		
2	VÕ BÌNH NGUYỄN	Số 119 Đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	780.000	7.800.000.000	39,000	225442130	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	780.000	7.800.000.000	39,000		

3	VŨ MINH LỘC	Số 31/105 Đường Vọng Hà, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	001095007770
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ MINH LỘC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/01/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001095007770

Ngày cấp: 10/05/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 31/105 Đường Vọng Hà, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 31/105 Đường Vọng Hà, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội